

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Sao Mai, xã Minh Sơn và thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 2524/QĐ-UBND ngày 9/8/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ qui hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị mới Sao Mai, thuộc xã Minh Sơn và thị trấn Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;*

*Xét Biên bản thẩm định kèm theo Công văn số 6717/STNMT - BVMT ngày 28/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về Thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu đô thị mới Sao Mai, xã Minh Sơn và thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 56/CVMT ngày 16/10/2020 của Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai.*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1191/Tr-STNMT ngày 17/11/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Sao Mai của Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Minh Sơn và thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn, Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Quyền**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Sao Mai, xã Minh Sơn và thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**1. Thông tin chung dự án:**

Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Sao Mai, xã Minh Sơn và thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai.

+ Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai

+ Người đại diện: Ông Lê Thanh Thuấn;

+ Điện thoại: 0296 3840138

+ Chức vụ: Chức vụ: Tổng Giám đốc;

+ Địa chỉ: Số 326 đường Hùng Vương, Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Phạm vi, quy mô, công suất dự án: Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Sao Mai, xã Minh Sơn và thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty Cổ phần tập đoàn Sao Mai được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích là 434.379 m<sup>2</sup>, trong đó: Diện tích thực tế đầu tư hạ tầng kỹ thuật 385.252,5 m<sup>2</sup>; diện tích đất giữ lại hiện trạng không giải phóng mặt bằng bao gồm: Đất dân cư dọc tỉnh lộ 506 (9.783m<sup>2</sup>), đất bến xe (8.295m<sup>2</sup>), đất trồng cây lâu năm (22.605,1m<sup>2</sup>) và đất nghĩa địa (8.443,4m<sup>2</sup>). Các hạng mục công trình chính bao gồm: San nền; hệ thống đường giao thông, vỉa hè, cây xanh; hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp điện và chiếu sáng.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:**

**2.1. Giai đoạn xây dựng:**

**2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 5 m<sup>3</sup>/ngày, trong đó: Nước thải từ vệ sinh tay chân khoảng 2,5m<sup>3</sup>/ngày; Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) khoảng 2,5m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc thiết bị thi công và rửa xe trước khi rời công trình khoảng 7,0m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 52.059 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

**2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:**

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu...Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, hơi xăng...

### **2.1.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:**

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 50 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,.....

- Chất thải rắn xây dựng: Bùn, đất hữu cơ trong quá trình bóc đất phong hóa khoảng: 80.966 tấn; Đất, đá, cát rơi vãi,... khoảng 6.366,4 tấn/toàn bộ quá trình thi công; Bao bì xi măng, mẫu sắt thép, gỗ, cốt pha,...khoảng 1.591,6 tấn/toàn bộ quá trình thi công xây dựng.

### **2.1.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:**

Chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 10kg/tháng. Thành phần gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy,...

### **2.1.5. Tác động do tiếng ồn, độ rung:**

- Tác động do tiếng ồn: Tại vị trí cách nguồn phát sinh từ 20m trở lên, mức ồn của các phương tiện đều nằm trong giới hạn cho phép. Do vậy, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công chỉ ảnh hưởng đến công nhân thi công tại công trường và ít ảnh hưởng tới khu dân cư..

- Tác động do độ rung: Mức rung từ các phương tiện máy móc, thiết bị thi công không đảm bảo giới hạn cho phép đối với khu vực thi công và khu dân cư trong khoảng 10m; mức rung nằm trong giới hạn cho phép đối với các khu dân cư ở khoảng 30m trở lên.

## **2.2. Giai đoạn vận hành**

### **2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải tại khu dân cư là 901,92 m<sup>3</sup>/ngày đêm, trong đó: Nước thải nhà ăn: 145,6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; Nước thải nhà vệ sinh: 312,48 m<sup>3</sup>/ngày.đêm; Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, dầu mỡ động thực vật, Coliform,...Nước thải tắm giặt: 443,84 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: chất hoạt động bề mặt; Nước thải kinh doanh, dịch vụ: 43,68 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 104.246,1 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

### **2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:**

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình phương tiện ra vào dự án; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động nấu ăn, các công trình xử lý nước thải...Thành phần bao gồm: bụi, khí CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>...

### **2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt:**

Chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ dân trong khu dân cư và hoạt động sinh hoạt tại khu dịch vụ công cộng khoảng 9.464 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

#### **2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:**

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của khu dân cư khoảng 28,39 kg/ngày. Thành phần bao gồm: giẻ lau chùi máy móc, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang...

### **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

#### **3.1. Giai đoạn xây dựng**

##### **3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:**

###### **\* Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:**

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời, trên đường thoát nước mưa bố trí hố ga tạm (có kích thước  $d \times r \times h = 0,5 \times 0,5 \times 0,5 \text{m}$ ) để lắng loại bỏ bùn đất, khoảng cách các hố ga là 100m, sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu được che chắn bằng bạt nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng...

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét cống rãnh không để bùn đất, rác rơi vào đường thoát nước chung của khu vực.

###### **\* Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng**

Nước thải xây dựng chủ yếu là nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị với lưu lượng khoảng  $7,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$ , được thu gom về 01 hố lắng dung tích  $10 \text{ m}^3$  để lắng trước khi thải ra hệ thống thoát nước của khu vực.

###### **\* Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải từ vệ sinh tay chân khoảng  $2,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$  được thu gom về hố lắng dung tích  $10 \text{ m}^3$  để xử lý cùng với nước thải xây dựng sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực

- Nước thải nhà vệ sinh có khoảng  $2,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ : Nhà thầu thi công thuê 05 nhà vệ sinh di động bố trí tại khu lán trại. Mỗi nhà vệ sinh di động có dung tích bể chứa chất thải: 800 lít, bể chứa nước: 400 lít. Định kỳ 01 ngày/lần, đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng hút chất thải đem đi xử lý.

##### **3.1.2. Về bụi, khí thải:**

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Quét dọn vệ sinh ở các tuyến đường xung quanh khu đất dự án trong phạm vi bán kính 200m.

- Phun nước trên các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu về dự án, phạm vi trong bán kính 600m.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra

khỏi khu vực thi công.

- Xây dựng hàng rào chắn bằng tôn (cao 3m) phía giáp khu dân cư (đọc 2 bên tinh lộ 506) để tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh. Tổng chiều dài tường chắn tôn: 1.150 m.

### ***3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:***

#### ***a. Biện pháp giảm thiểu tác động chất thải rắn sinh hoạt***

- Chất thải rắn sinh hoạt có khoảng 50kg/ngày được trang bị 03 thùng rác bằng nhựa dung tích 40 lít/thùng để thu gom tại khu lán trại.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

#### ***b. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải từ quá trình thi công xây dựng:***

- Đối với đất, đá, gạch thải,...có khối lượng 6.366,4 tấn được tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng tại dự án.

- Đối với loại chất thải rắn như bìa cattông, các mẫu sắt thừa,...có khối lượng 1.591,6 tấn được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Đối với bùn đất nạo có với khối lượng 80.966 tấn, một phần được vận chuyển về khu vực trồng cây xanh tại dự án khoảng 70.000 tấn (trong khu vực quy hoạch công viên cây xanh), phần còn lại vận chuyển về bãi thải tại phía Nam cầu Nhôm, thôn Đại Sơn, xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn có diện tích 2.000m<sup>2</sup>. Khu vực lưu giữ tạm chất thải để trồng cây được tạo các gờ bao xung quanh để tránh chảy tràn ra môi trường xung quanh.

### ***3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:***

- Chất thải rắn nguy hại khối lượng khoảng 10kg/tháng được trang bị 02 thùng chứa có dung tích 80 lít/thùng dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định để thu gom.

- Các thùng chứa chất thải nguy hại được lưu trữ tạm tại kho chứa tạm đặt tại khu vực lán trại. Kết thúc quá trình thi công xây dựng đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

#### ***3.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:***

##### ***a. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:***

- Các phương tiện có mức ồn lớn không được vận hành cùng một thời điểm. Thường xuyên bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công; Công nhân thi công phải được trang bị các dụng cụ, thiết bị chống ồn.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi hoạt động tại công trường không quá 5 km/h; Hạn chế sử dụng các thiết bị gây mức ồn >70 dBA hoặc các

hoạt động có thể tạo ra mức ồn >70 dBA đề thi công, không tiến hành thi công vào khoảng thời gian cao điểm 11 ÷ 13 giờ và từ 22 ÷ 6 giờ sáng ngày hôm sau.

*b. Biện pháp giảm thiểu độ rung:*

- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 27: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

### **3.2. Giai đoạn vận hành**

#### **3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:**

*\* Trách nhiệm của Công ty Cổ phần tập đoàn Sao Mai*

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung, gồm:

- Hệ thống cống thu gom nước thải dọc các tuyến đường đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ các nhà đầu tư thứ cấp dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Trên các tuyến cống có bố trí vị trí chờ tại từng lô theo mặt bằng quy hoạch để các nhà đầu tư thứ cấp đầu nối nước thải vào hệ thống.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 960 m<sup>3</sup>/ngày đêm được chia làm 3 modul (công suất 320m<sup>3</sup>/modul); bố trí tại khu vực công viên nghĩa trang gần hồ sinh học. Quy trình công nghệ xử lý:

Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ sinh học (2000 m<sup>3</sup>) → Hệ thống thoát nước thải chung của khu vực.

Thể tích các bể xử lý nước thải của từng modul như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Thể tích xây dựng</b>
1	Hố thu nước thải	26 m <sup>3</sup>
2	Bể điều hòa	53 m <sup>3</sup>
3	Bể thiếu khí	80 m <sup>3</sup>
4	Bể hiếu khí	48 m <sup>3</sup>
5	Bể lắng	32 m <sup>3</sup>
6	Bể chứa bùn	2 m <sup>3</sup>
7	Bể khử trùng	6 m <sup>3</sup>
8	Hồ sinh học	2000 m <sup>3</sup>

Sau khi Công ty Cổ phần tập đoàn Sao Mai hoàn thành phần hạ tầng kỹ thuật sẽ bàn giao cho UBND huyện Triệu Sơn quản lý, Công ty Cổ phần tập đoàn Sao Mai chịu trách nhiệm về chất lượng công trình và phải bảo hành đối với công trình chuyển giao theo quy định của pháp luật.

*\* Trách nhiệm của UBND huyện Triệu Sơn:*

- Quản lý, bảo trì, vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải tập trung có công suất là 960m<sup>3</sup>/ngày.đêm đảm bảo đạt QCVN14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường;

- Bố trí nguồn kinh phí để vận hành, bảo trì hệ thống xử lý nước thải, hoặc tìm đơn vị khai thác và thu phí để có kinh phí duy trì hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

*\* Trách nhiệm của các nhà đầu tư thành viên*

- *Đối với nước thải sinh hoạt của các hộ dân:*

Xây dựng bể tự hoại để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh; Xây dựng bể tách dầu mỡ để xử lý nước thải nhà ăn; lắp đặt lưới chắn rác để xử lý sơ bộ nước thải tắm giặt. Xây dựng đường ống thu gom toàn bộ lượng nước thải này sau khi xử lý sơ bộ đầu nối vào vị trí chờ do nhà đầu tư bố trí để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Đối với nước thải từ các hoạt động kinh doanh, dịch vụ:*

Yêu cầu xây dựng hệ thống xử lý riêng biệt đảm bảo nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

### **3.2.2. Về bụi, khí thải:**

- *Trách nhiệm của UBND huyện Triệu Sơn:*

+ Hợp đồng với đơn vị thu gom rác tại địa phương thường xuyên quét dọn các tuyến đường trong khu dân cư nhằm giảm thiểu bụi bốc bay theo lớp bánh xe.

+ Trồng cây xanh khu vực công viên, các vị trí theo quy hoạch; những ngày nắng nóng phun nước tưới cây, rửa đường trong khu dân cư bằng xe tưới nước chuyên dụng.

+ Hợp đồng với đơn vị chức năng nạo vét định kỳ hệ thống cống rãnh thoát nước, phun chế phẩm khử mùi tại khu tập kết rác thải sinh hoạt đảm bảo không phát tán mùi hôi ra môi trường.

- *Trách nhiệm của các hộ dân, hộ kinh doanh:*

+ Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà, khu vực kinh doanh.

+ Đổ rác đúng quy định về thời gian và địa điểm;

+ Đối với khu vực nhà bếp của các hộ dân trang bị bộ phận hút mùi trước khi thải ra môi trường.

### **3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:**

- *Trách nhiệm của UBND huyện Triệu Sơn:*

Trang bị các thùng rác có nắp đậy kín đặt tại nơi công cộng để thu gom rác thải. Thuê đơn vị thu gom rác tại địa phương quét dọn, thu gom rác thải tại các khu vực: đường giao thông, công viên, khu nhà văn hóa... trong khu dân cư.

- *Đối với chất thải từ hoạt động kinh doanh dịch vụ:*

Các đơn vị quản lý trang bị các thùng thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt phát sinh và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý.

- *Đối với chất thải từ các hộ dân trong khu dân cư:*

+ Thực hiện việc phân loại rác thải tại nguồn.



+ Bố trí thùng chứa rác để thu gom rác thải sinh hoạt; không được tập kết rác trên vỉa hè khi chưa có xe thu gom rác.

+ Hợp đồng với đơn vị thu gom rác tại địa phương thu gom và xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

### **3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:**

- *Trách nhiệm của UBND huyện Triệu Sơn*

+ Bố trí các thùng nhựa loại 100 lít màu đen có nắp đậy và dán nhãn đặt dọc tuyến đường nội bộ và khu vực công cộng trong khu dân cư với khoảng cách 100 - 200m/thùng để thu gom CTNH từ khu dân cư, hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại cho người dân sinh sống và làm việc trong khu dân cư để người dân thu gom CTNH tại các gia đình tập trung vào các thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn bên ngoài thùng.

- *Trách nhiệm của các hộ dân:*

Thu gom, phân loại chất thải nguy hại và bỏ vào các thùng đựng CTNH do UBND huyện Triệu Sơn bố trí.

## **4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường**

### **4.1. Giám sát chất lượng môi trường giai đoạn thi công xây dựng**

#### **4.1.1. Giám sát chất lượng không khí:**

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Chỉ tiêu giám sát: Vi khí hậu, ồn, Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm tại trung tâm khu vực dự án;

+ 01 điểm tại khu dân cư hiện trạng phía Tây trong khu vực dự án;

+ 01 điểm tại đường tỉnh lộ 506.

+ 01 điểm tại khu vực lán trại.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26/2016/BYT: Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu và giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ QCVN 24/2016/BYT: Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc.

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

+ QCVN 02/2019/TT-BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 03/2019/TT-BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

#### *4.1.2. Giám sát chất lượng môi trường nước thải*

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, COD, BOD<sub>5</sub>, TSS, Sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S), NH<sub>4</sub><sup>+</sup> (tính theo N), Dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Vị trí giám sát: 01 điểm sau bể lắng nước thải xây dựng.

- Tiêu chuẩn áp dụng:

+ QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

+ QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

### **4.2. Giám sát chất lượng môi trường giai đoạn đi vào hoạt động:**

#### ***4.2.1. Giám sát chất lượng không khí***

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Chỉ tiêu giám sát: Độ ồn, Bụi, CH<sub>4</sub>, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S.

- Vị trí và tọa độ lấy mẫu giám sát:

+ 01 điểm tại khu vực xử lý nước thải

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 02/2019/TT-BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 03/2019/TT-BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ QCVN 26: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

#### ***4.2.2 Giám sát chất lượng nước thải***

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, dầu mỡ động thực vật, Coliform.

- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án (vị trí cửa xả của hồ sinh học).

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt./.